

**CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHỈ SỐ GIÁ VÀNG VÀ CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ CÁC VÙNG KINH TẾ**

**THÁNG 02 NĂM 2017 (THÁNG TRƯỚC =100)**

*Đơn vị tính: %*

|                                               | <i>Vùng Đồng<br/>bằng sông<br/>Hồng</i> | <i>Vùng Trung<br/>du và miền<br/>núi phía Bắc</i> | <i>Vùng Bắc Trung<br/>bộ và Duyên hải<br/>miền Trung</i> | <i>Vùng Tây<br/>Nguyên</i> | <i>Vùng Đông<br/>Nam bộ</i> | <i>Vùng Đồng<br/>bằng sông Cửu<br/>long</i> |
|-----------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------|
| <b>CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG</b>                   | <b>100,14</b>                           | <b>100,14</b>                                     | <b>100,22</b>                                            | <b>100,16</b>              | <b>100,32</b>               | <b>100,40</b>                               |
| I, Hàng ăn và dịch vụ ăn uống                 | 99,90                                   | 100,00                                            | 100,22                                                   | 99,95                      | 100,25                      | 100,31                                      |
| 1- Lương thực                                 | 100,43                                  | 100,10                                            | 100,29                                                   | 99,88                      | 100,01                      | 100,46                                      |
| 2- Thực phẩm                                  | 99,72                                   | 99,79                                             | 100,03                                                   | 99,34                      | 99,53                       | 99,77                                       |
| 3- Ăn uống ngoài gia đình                     | 100,21                                  | 100,74                                            | 100,63                                                   | 101,52                     | 101,70                      | 101,68                                      |
| II, Đồ uống và thuốc lá                       | 100,02                                  | 99,88                                             | 99,87                                                    | 99,83                      | 100,17                      | 99,99                                       |
| III, May mặc, mũ nón, giày dép                | 99,95                                   | 99,69                                             | 99,87                                                    | 99,85                      | 100,19                      | 99,94                                       |
| IV, Nhà ở và vật liệu xây dựng <sup>(*)</sup> | 100,79                                  | 100,76                                            | 100,76                                                   | 100,98                     | 100,65                      | 100,90                                      |
| V, Thiết bị và đồ dùng gia đình               | 100,01                                  | 100,02                                            | 100,06                                                   | 100,04                     | 100,07                      | 100,10                                      |
| VI, Thuốc và dịch vụ y tế                     | 100,02                                  | 100,02                                            | 100,01                                                   | 100,06                     | 100,00                      | 101,25                                      |
| Trong đó: Dịch vụ y tế                        | 100,00                                  | 100,00                                            | 100,00                                                   | 100,00                     | 100,00                      | 101,49                                      |
| VII, Giao thông                               | 100,37                                  | 100,61                                            | 100,64                                                   | 100,62                     | 100,58                      | 100,78                                      |
| VIII, Bưu chính viễn thông                    | 100,00                                  | 99,96                                             | 99,95                                                    | 99,92                      | 99,90                       | 99,78                                       |
| IX, Giáo dục                                  | 100,00                                  | 100,00                                            | 100,00                                                   | 100,00                     | 100,00                      | 100,00                                      |
| X, Văn hoá, giải trí và du lịch               | 99,85                                   | 100,12                                            | 99,77                                                    | 100,19                     | 100,70                      | 100,49                                      |
| XI, Hàng hoá và dịch vụ khác                  | 100,06                                  | 100,34                                            | 100,12                                                   | 100,10                     | 100,14                      | 100,24                                      |
| <b>CHỈ SỐ GIÁ VÀNG</b>                        | <b>101,79</b>                           | <b>102,87</b>                                     | <b>103,31</b>                                            | <b>101,30</b>              | <b>101,87</b>               | <b>103,03</b>                               |
| <b>CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ</b>                    | <b>99,94</b>                            | <b>100,01</b>                                     | <b>99,66</b>                                             | <b>99,93</b>               | <b>100,09</b>               | <b>100,11</b>                               |

<sup>(\*)</sup> Nhóm này bao gồm: tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng.